TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2020
V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Lưu Đình Hùng**

Các hội thẩm nhân dân: **Ông Tạ Đức Minh**

Ông Nguyễn Văn Khanh

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Bùi Bách Thành - Kiểm sát viên

Ngày 27/02/2020, tại trụ sở tổ dân phố số 07, phường Giang Biên, quận Long Biên, TP. Hà Nội, TAND quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 781/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2019 về việc: ***Tranh chấp ly hôn*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989**

HKTT: xã Thụy Ninh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Nơi ở: Cổ Nhuế, quận Bắc Từ Liêm, Tp Hà Nội

(Có mặt tại phiên tòa)

***Bị đơn*: Anh Chu Văn H , sinh năm 1982**

HKTT và chỗ ở: Dự án nhà ở Thạch Bàn, tổ 9, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, TP Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T trình bày:***

Chị và anh Chu Văn H đăng ký kết hôn ngày 18/10/2012 tại UBND xã Phi Mô, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ khi chị mang

bầu thì mâu thuẫn ngày càng trở nên gay gắt. Chị thường xuyên bị anh H đánh đập, chửi bới, miệt thị. Sau khi chị sinh con thì mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Chị nhận thấy không thể chung sống với anh H do anh H quản lý chặt nên chị đã 02 lần tìm cách bỏ trốn khỏi gia đình để giải thoát bản thân. Sau đó vì thương con, không muốn con sống trong cảnh bố mẹ ly hôn nên chị đã quyết định quay về chung sống. Nhưng cuộc sống không hề được thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng vẫn xảy ra liên tục. Anh H đòi quyền cầm kinh tế trong gia đình, chị vẫn bị đánh và không nhận được sự tôn trọng. Do cãi nhau, anh H đã đuổi chị ra khỏi nhà. Chị vì nóng giận nên cũng bỏ đi. Anh chị đã ly thân từ tháng 9/2014 đến nay, mỗi người ở một nơi. Tuy nhiên, hàng tuần chị vẫn đến thăm con và chăm lo cho con. Chị đã một lần làm đơn ra Tòa xin ly hôn, nhưng sau đó lại rút đơn về vì thương con nhưng cuộc sống chung của vợ chồng vẫn căng thẳng. Đến nay, chị nhận thấy cuộc sống gia đình không thể cứu vãn nên dã quyết định chấm dứt cuộc hôn nhân. Vì có sống cùng nhau mà thường xuyên mâu thuẫn thì con cái chứng kiến sẽ đau khổ và chịu ảnh hưởng.

Chị và anh H có một con chung là cháu Chu Ngọc Nhã U, sinh ngày 24/8/2013. Chị có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con. Thời gian anh chị ly thân hiện nay chị đang làm việc tại công ty cổ phần Bellsystem 24- Hoa Sao, với mức thu nhập hơn 07 triệu đồng. Chị đang thuê nhà ở tại Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội, gần công ty để tiện cho việc đi làm.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

**** Bị đơn – anh Chu Văn H trình bày:*** Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2012, tại UBND xã Phi Mô, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Chung sống hạnh phúc được đến năm 2014 thì chị T bỏ nhà đi, để lại con cho anh chăm sóc, không đóng góp nuôi con. Anh cũng nhận thấy anh và chị T có nhiều mâu thuẫn không thể hóa giải nên anh đồng ý ly hôn vì anh chị chung sống không còn hạnh phúc nữa.

Anh chị có 01 con chung là cháu Chu Ngọc Nhã U, sinh ngày 24/8/2013. Anh có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị T đóng góp tiền nuôi con. Từ khi anh chị ly thân đến nay, con chung vẫn ở với anh và anh chăm lo, đóng tiền học cho con hàng tháng. Chị T vẫn thường xuyên đến thăm con, mua quà cho con nH việc lo sinh hoạt hàng ngày của con vẫn do anh là chủ yếu. Hiện nay anh đang làm việc tại công ty TNHH phát triển thương mại Tân Thành, với mức thu nhập dao động từ 15- 16 triệu đồng một tháng. Hiện nay anh đang ở tại dự án nhà ở Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội. Đây là căn hộ do anh đứng tên chủ sở hữu.

Về tài sản chung và công nợ: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, anh cung cấp tài liệu bổ sung chứng minh thu nhập của anh dao động từ 21- 22 triệu đồng một tháng.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:***

- Về thẩm quyền: Toà án nhân dân quận Long Biên đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên toà đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Chu Ngọc Nhã U, sinh ngày 24/8/2013. Giao cháu U cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị T. Về tài sản và công nợ: không xem xét giải quyết do anh chị không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo xác nhận của chính quyền địa phương, tại thời điểm chị Nguyễn Thị T có đơn ly hôn gửi Tòa án, anh Chu Văn H đang sinh sống tại Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội, có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 BLTTDS 2015, TAND quận Long Biên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Long Biên đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn; đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Văn H đăng ký kết hôn ngày 18/10/2012 tại UBND xã Phi Mô, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian chung sống với nhau, giữa hai anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn Nguyên nhân là do anh chị có nhiều bất đồng, không hợp nhau trong cuộc sống. Đến năm 2014 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng và anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay, chị T và anh H đều xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa. Chị T kiên quyết ly hôn và anh H đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Chu Ngọc Nhã U, sinh ngày 24/8/2013. Cả chị T và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về thu nhập hàng tháng: Chị T hiện đang làm việc tại công ty cổ phần Bellsystem 24- Hoa Sao, với mức thu nhập 03 tháng gần đây nhất mà chị T cung

cấp cho Tòa án (tháng 4, 5, 6/2019) dao động từ 7.185.651 đồng đến 7.385.651 đồng (BL 21, 22). Tại phụ lục hợp đồng chị cung cấp cho Tòa án thì thời hạn hợp đồng lao động của chị tại công ty Hoa Sao là đến hết ngày 29/02/2020 (BL 20). Tại phiên tòa, chị có trình bày hiện nay chị làm việc tại công ty Hoa Sao với hình thức vô thời hạn nhưng chị T không có tài liệu, chứng cứ nào cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho lời khai của mình.

Anh H hiện đang làm việc tại công ty TNHH phát triển thương mại Tân Thành với mức thu nhập dao động từ 15.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng/tháng (BL 27). Thời hạn hợp đồng của anh là không thời hạn. Tại phiên tòa hôm nay, anh H cung cấp bổ sung tài liệu chứng minh mức thu nhập của anh dao động từ 21- 22 triệu đồng một tháng. Anh khẳng định tài liệu bổ sung này là đúng vì sau khi kiểm tra lại thì đây mới là mức thu nhập thực tế của anh, mức thu nhập của anh có dao động tăng là do anh làm ăn kinh doanh, lợi nhuận hàng tháng tăng khác nhau nên thu nhập cũng tăng khác nhau.

- Về điều kiện ở: Chị T hiện đang sinh sống tại nhà thuê, gần công ty chị làm việc (BL 25). Anh H hiện đang sinh sống ổn định tại dự án nhà ở Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội. Đây là căn hộ thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh H (BL 29, 30).

- Về điều kiện chăm sóc con chung: Cháu Chu Ngọc Nhã U vẫn ở với anh H tại dự án nhà ở Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội từ khi anh chị ly thân năm 2014 đến nay. Anh H đang cho cháu U theo học tại trường tiểu học Đoàn Kết, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Hà Nội. Anh H là người đưa đón con đi học, đóng tiền học cho con, liên hệ giữa gia đình và nhà trường và các khoản đóng góp kinh phí cho cháu U tại trường tiểu học Đoàn Kết đều do anh H trực tiếp đóng (BL 37).

Như vậy, anh H có thu nhập cao hơn và công việc ổn định hơn chị T. Điều kiện nơi ở của anh H cũng ổn định lâu dài hơn chị T. Mặt khác, để tránh xáo trộn môi trường sống của cháu U, căn cứ quyền lợi về mọi mặt của con chung, ở thời điểm hiện tại cần giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu U, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chị T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị T và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Chu Văn H. Chị T được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Xác định anh chị có 01 con chung là cháu Chu Ngọc Nhã U, sinh ngày 24/8/2013. Giao cho anh Chu Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu U và tạm hoãn nghĩa vụ đóng phí tổn nuôi con đối với chị T cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị T có quyền thăm nom con. Không ai được ngăn cản việc thăm nom, gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị T và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0015821 ngày 16/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên. Nay, chuyển thành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị T và anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND Q.Long Biên;
-THADS Q.Long Biên;
- UBND xã Phi Mô, Lạng Giang Bắc Giang (số 67, Quyển 01/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lưu Đình Hùng